

Số: 31/2024/NQ-HĐND

Hà Nội, ngày 19 tháng 11 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cho công chức thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội
(Thực hiện khoản 4, khoản 6 Điều 14 Luật Thủ đô)

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ 19

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ khoản 4, khoản 6 Điều 14 Luật Thủ đô ngày 28 tháng 6 năm 2024;

Xét Tờ trình số 433/TTr-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2024 của UBND Thành phố dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cho công chức thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội; Báo cáo thẩm tra số 94/BC-HĐND ngày 18 tháng 11 năm 2024 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân Thành phố; Báo cáo số 441/BC-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc giải trình, tiếp thu Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã được ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính cho công chức thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, công chức thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn Thành phố.
2. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến các nội dung ủy quyền cho công chức thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn Thành phố.

Điều 3. Nguyên tắc ủy quyền

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật; đảm bảo phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định.
2. Đảm bảo rõ nhiệm vụ, rõ thẩm quyền, rõ trách nhiệm; công chức nhận ủy quyền chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với việc thực hiện ủy quyền.
3. Công chức nhận ủy quyền không được ủy quyền lại cho cá nhân khác thực hiện nội dung đã được ủy quyền.
4. Đảm bảo đủ nguồn lực và điều kiện cần thiết khác trong quá trình thực hiện.

Chương II

MỘT SỐ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ỦY QUYỀN CHO CÔNG CHỨC THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

Điều 4. Lĩnh vực Chứng thực

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã được ủy quyền cho công chức Tư pháp - Hộ tịch giải quyết các thủ tục hành chính sau:

1. Chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận;
2. Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản theo quy định của pháp luật, trừ việc chứng thực chữ ký người dịch.

Điều 5. Lĩnh vực Văn hóa

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã được ủy quyền cho công chức Văn hóa - Xã hội giải quyết các thủ tục hành chính sau:

1. Thành lập thư viện đối với thư viện cộng đồng;
2. Sáp nhập, hợp nhất, chia tách thư viện đối với thư viện cộng đồng;
3. Thông báo chấm dứt hoạt động thư viện cộng đồng.

Điều 6. Lĩnh vực Bảo trợ xã hội

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã được ủy quyền cho công chức Văn hóa - Xã hội giải quyết thủ tục hành chính sau: Đối, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật.

Chương III

QUYỀN HẠN, TRÁCH NHIỆM VÀ MỨC CHI HỖ TRỢ CHO CÔNG CHỨC

Điều 7. Quyền hạn và trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Quyết định việc ủy quyền cho công chức trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn tại Quy định này. Thời hạn ủy quyền tối đa 36 tháng; hết thời hạn ủy quyền, nếu các căn cứ không thay đổi và việc ủy quyền đánh giá có hiệu quả, tiếp tục thực hiện ủy quyền;

b) Ban hành Quyết định thu hồi hoặc thay đổi quyết định ủy quyền trong trường hợp cần thiết, đặc biệt khi việc thực hiện ủy quyền không còn phù hợp hoặc có dấu hiệu vi phạm pháp luật. Việc thu hồi hoặc thay đổi ủy quyền phải được thực hiện bằng văn bản và thông báo cho công chức được ủy quyền và các bên liên quan, công khai trên Cổng/Trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã và trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Xác định rõ nội dung, phạm vi, đối tượng và thời hạn ủy quyền trong văn bản ủy quyền;

b) Hướng dẫn, đảm bảo các điều kiện, quyền lợi đầy đủ, hợp pháp trong quá trình công chức thực hiện nhiệm vụ. Cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu cần thiết để công chức thực hiện chính xác và hiệu quả các nhiệm vụ được ủy quyền;

c) Theo dõi, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện ủy quyền để kịp thời phát hiện và chấn chỉnh các sai sót, vi phạm (nếu có);

d) Xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện ủy quyền và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện các nhiệm vụ đã ủy quyền;

đ) Thường xuyên rà soát các văn bản ủy quyền và điều chỉnh nếu thấy các vấn đề bất cập hoặc khi công chức được ủy quyền không đủ năng lực, không thực hiện đúng nhiệm vụ được giao. Báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với các trường hợp thu hồi hoặc thay đổi quyết định ủy quyền.

Điều 8. Quyền hạn và trách nhiệm của công chức thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã được ủy quyền

1. Quyền hạn của công chức thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã được ủy quyền:

a) Được xử lý và quyết định về hồ sơ thuộc các lĩnh vực được ủy quyền;

b) Được yêu cầu và phối hợp với các cơ quan, cá nhân liên quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ để đảm bảo các nhiệm vụ được giải quyết đúng quy định;

c) Được đưa ra quyết định, giải pháp hoặc biện pháp xử lý đối với các vấn đề thuộc phạm vi nhiệm vụ được giao, phù hợp với quy định pháp luật và chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã;

d) Từ chối thực hiện nhiệm vụ không thuộc phạm vi ủy quyền và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã để có ý kiến chỉ đạo trong các tình huống vượt quá thẩm quyền hoặc có nội dung phức tạp cần giải quyết;

đ) Đề xuất các giải pháp, biện pháp hoặc kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã về các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được ủy quyền;

e) Được bảo vệ về mặt pháp lý và quyền lợi cá nhân khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo nội dung được ủy quyền;

g) Được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn và chế độ hỗ trợ theo quy định.

2. Trách nhiệm của công chức thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã được ủy quyền:

a) Thực hiện đúng nội dung, phạm vi, thời hạn ủy quyền;

b) Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và pháp luật về nhiệm vụ được ủy quyền. Trường hợp để xảy ra sai sót, vi phạm pháp luật hoặc gây thiệt hại do thực hiện không đúng nhiệm vụ được ủy quyền, công chức được ủy quyền phải chịu trách nhiệm trước pháp luật;

c) Đảm bảo tính hợp pháp, chính xác và minh bạch trong quá trình thực hiện nhiệm vụ;

d) Định kỳ báo cáo và thông tin đầy đủ, kịp thời cho Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã kết quả thực hiện nhiệm vụ được ủy quyền, đặc biệt là những vấn đề phát sinh hoặc các quyết định quan trọng;

đ) Bảo mật thông tin và giữ gìn tài sản liên quan đến nhiệm vụ được ủy quyền.

Điều 9. Mức chi hỗ trợ hằng tháng đối với công chức được ủy quyền

1. Mức hỗ trợ hằng tháng đối với công chức được ủy quyền tại khoản 4, khoản 6, Điều 14 Luật Thủ đô bằng 15% mức lương cơ sở/người/tháng.

2. Nguồn kinh phí thực hiện: Ngân sách quận, huyện, thị xã.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Trách nhiệm thi hành

1. Ủy ban nhân dân Thành phố:

a) Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố theo đúng quy định. Thường xuyên rà soát, đánh giá, điều chỉnh, bổ sung nội dung ủy quyền.

b) Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố và Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm phối hợp hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ đối với nội dung ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân

dân cấp xã cho công chức thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã; hằng năm rà soát, đề xuất các nội dung ủy quyền cho công chức cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố Hà Nội phối hợp tuyên truyền và giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XVI, kỳ họp thứ 19 thông qua ngày 19 tháng 11 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Quốc hội;
- Các Bộ: Nội vụ; Tư pháp; Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Lao động - Thương binh và xã hội; Tài chính;
- Thường trực Thành ủy Hà Nội;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQ TP;
- Đoàn đại biểu Quốc hội Hà Nội;
- Đại biểu HĐND Thành phố;
- Các Ban Đảng TU, Văn phòng TU;
- Các Ban của HĐND Thành phố;
- VP Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND Thành phố;
- Văn phòng UBND Thành phố;
- Các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị xã hội TP;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện, thị xã;
- Trung tâm thông tin điện tử TP;
- Trang TTĐT của Đoàn ĐBQH&HĐND TP;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Ngọc Tuấn